

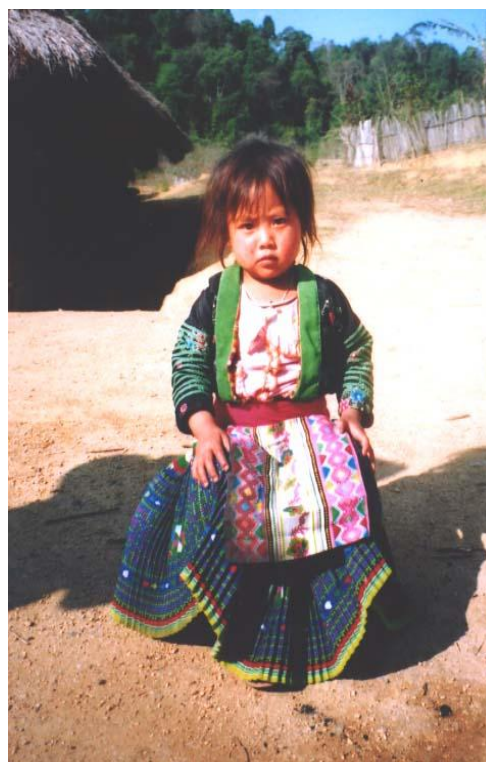
ĐỊA PHƯƠNG HOÁ VÀ CHỦ NGHĨA LY KHAI TRONG BỐI CẢNH TOÀN CẦU HOÁ: TRÒNG HỢP MỘT SỐ NƯỚC ĐÔNG NAM Á

TRẦN KHÁNH

Từ đầu thập niên 90, trên các phương tiện thông tin đại chúng cũng như trong các diễn đàn học thuật bàn luận khá nhiều về toàn cầu hoá và khu vực hoá, nhưng dường như ít đề cập đến địa phương hoá và chủ nghĩa ly khai, mặc dù các xu hướng này đang có chiều hướng gia tăng mạnh, và có quan hệ mật thiết với nhau. Sự tác động qua lại của các quá trình trên đến sự thay đổi hay dịch chuyển bản sắc, chủ quyền quốc gia-dân tộc, đến sự ổn định, dân chủ và phát triển nói chung là những vấn đề rất lớn. Trong bài viết này xin mạnh dạn giới thiệu và bàn luận một vài nội dung cơ bản của địa phương hoá và chủ nghĩa ly khai hiện nay, liên hệ trong hợp cụ thể một số nước ASEAN, từ đó đưa ra một vài nhận xét ban đầu về vấn đề này.

Trong những xu hướng chủ đạo, mang tính lịch sử và xã hội, có tác động sâu sắc đến mọi mặt đời sống xã hội của nhân loại, đang trôi dạt khoảng hơn một thập niên qua là toàn cầu hoá (Globalization) và địa phương hoá (Localization). Nếu *toàn cầu hoá* là một sự liên kết hay hội nhập của các quốc gia thành một thể thống nhất, thành *ngôi làng chung*, thông qua các dòng chảy thương mại, tiền vốn, tri thức và những tiến bộ của công nghệ thông tin thì *địa phương hoá* là sự mở

rộng trách nhiệm và quyền tự trị của những đơn vị nhỏ hơn nhà nước, như các thành phố, khu vực theo địa lý-hành chính, văn hoá-dân tộc... Đây là quá trình phi tập trung hoá quyền lực nhà nước bằng việc chuyển giao quyền hạn và nguồn lực của chính quyền trung ương cho các chính quyền địa phương. Ở mức độ cao, quá trình này có thể tạo ra những nhà nước, quốc gia độc lập mới ⁽¹⁾.



Trẻ em Hmông ở Mường Phăng, huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên

Ảnh: Đặng Thị Hoa

Cũng như toàn cầu hoá và khu vực hoá, xu hướng địa phương hoá được gia tăng mạnh mẽ từ đầu thập niên 90, gắn liền với những phát triển vượt bậc của công nghệ thông tin, đặc biệt là sự ra đời của Internet. Điều này cho phép các thành phố cũng như các đặc khu kinh tế-hành chính khác nhau mở rộng quy mô hoạt động, thích ứng tích cực hơn với nền kinh tế toàn cầu, chia sẻ nhanh hơn về thông tin và ý tưởng riêng của mình. Với người dân thì họ có cơ hội tốt hơn để đón nhận thông tin một cách nhanh chóng, chính xác và đồng thời cũng được bày tỏ quan điểm của họ trên phạm vi quốc tế. Như vậy, vai trò của chính phủ Trung - Quốc như người bảo trợ chính cung cấp cho người dân các nguồn thông tin dần dần giảm đi. Thay vào đó, vai trò của chính quyền thành phố, đặc khu kinh tế-hành chính, các công ty được nâng cao. Chính điều này làm gia tăng lòng tin và sự gắn bó của người dân vào chính quyền địa phương, góp phần làm cho xu hướng địa phương hoá tăng lên. Các thành phố hay những khu vực, vùng miền lãnh thổ có tính chất cạnh tranh cao cũng như các hãng kinh doanh ngày càng tranh đua đưa ra các dịch vụ, hàng hoá có chất lượng tốt, giá cả hấp dẫn làm cho thị trường toàn cầu ngày càng trở nên thịnh vượng. Từ các làng, xã, huyện, các công ty lớn nhỏ giờ đây có thể nối mạng với nhau, tìm kiếm dòng vốn, tìm người mua, người bán sản phẩm... Quá trình này làm tăng tính địa phương của kinh doanh, làm cho vai trò của các thành phố, khu vực kinh tế, đặc khu hành chính

ngày càng trở nên hấp dẫn với người dân hơn là nhà nước trung - Quốc hay quốc gia-dân tộc. Nói một cách khác, cùng với toàn cầu hoá, địa phương hoá có thể làm xói mòn bản sắc, chức năng truyền thống của nhà nước, quốc gia-dân tộc (người bảo trợ chính, cung cấp dịch vụ giáo dục, y tế, và các an sinh xã hội khác, bảo vệ an toàn thân thể...), làm cho nhà nước trung - Quốc phải "nhượng quyền" hay "chia sẻ" một phần quyền lực tuyệt đối của mình với chính quyền địa phương.

Xét trên bình diện quốc tế thì xu hướng địa phương hoá trở nên hết được biểu hiện bằng sự hình thành các quốc gia tự trị mới, bằng sự tan rã của hệ thống thuộc địa và các nhà nước trung - Quốc tập quyền cao. Nếu như năm 1950 trên thế giới mới chỉ có 51 quốc gia-dân tộc có chủ quyền thì con số đó đến năm 1998 đã lên tới 192 nước. Bình quân hàng năm trong khoảng thời gian 1950-1990 có khoảng 2,2 quốc gia ra đời, cao hơn con số 1,2 nhà nước mới được thành lập nửa đầu thế kỷ XX. Trong những năm 90 của thế kỷ XX, chỉ số quốc gia mới được thành lập hàng năm đạt mức 3,1 (tức là mỗi năm có ít nhất 3 nhà nước mới ra đời)⁽²⁾. Sự gia tăng nhanh chóng số lượng các quốc gia mới trong thập niên qua gắn liền sự kết thúc của chiến tranh lạnh, sụp đổ của Liên bang Xô Viết và các nhà nước trung - Quốc tập quyền cao ở Đông Âu.

Song song với sự xuất hiện nhiều nhà nước, quốc gia mới, nhiều thành phố, khu vực hành chính, địa-văn hoá, dân tộc cũng

ngày càng giành đ- ợc quy chế tự trị cao hơn. Ví dụ nh- Liên bang Nga sau khi giải thể Liên Xô và tuyên bố độc lập (năm 1991) đã cho phép các chủ thể trong Liên bang đ- ợc h- ớng nhiều quyền tự chủ, đ- ợc độc lập nhiều hơn với chính quyền trung - ớng trên nhiều lĩnh vực, từ mặt tài chính-ngân sách, chính sách phát triển nhà ở, lao động, tiền l- ớng, giáo dục, y tế, ngoại th- ớng... Tất cả các thành phố lớn từ châu Âu sang châu Mỹ cho đến Trung Quốc hiện nay đang nằm trong quá trình địa ph- ớng hoá, ngày càng đ- ợc h- ớng nhiều quyền tự trị, đảm nhiệm nhiều hơn chức năng nhà n- ớc trung - ớng trong việc cung cấp hạ tầng cơ sở, dịch vụ thông tin, quan hệ đối nội và đối ngoại cho ng- ời dân.

Đối với khu vực Đông Nam Á, cũng giống nh- nhiều nơi khác trên thế giới, địa ph- ớng hoá đã từng diễn ra trong lịch sử. Thời gian gần đây, d- ối tác động của công nghiệp hoá, hiện đại hoá và toàn cầu hoá thì xu h- ớng này có chiều h- ớng gia tăng nhanh. Ví dụ nh- từ những năm 70 của thế kỷ XX, thủ đô Manila và một dãy đô thị nối tiếp xung quanh nó của Philippin trở nên phát triển độc lập so với các địa ph- ớng trên cả n- ớc. Sự chênh lệch trong thu nhập, lối sống trở nên ngày càng lớn giữa các vùng miền, đặc biệt giữa thủ đô và các vùng xa xôi hẻo lánh, nhất là từ khi chính phủ của tổng thống C. Aquino lên thay Marcos vào năm 1981 đ- a ra cải cách hành chính giao quyền tự trị nhiều hơn cho chính quyền địa ph- ớng. Tr- ờng hợp

của Thái Lan cũng có bức tranh t- ớng tự. Giữa những năm 90 của thế kỷ XX, thủ đô Băng Cốc chỉ chiếm khoảng 1,5% diện tích nh- ng lại tập trung tới 15% dân số cả n- ớc và đặc biệt là chiếm tới 70% dân c- đô thị của toàn quốc và sản xuất ra gần 1/2 tổng sản phẩm quốc nội của Thái Lan. Nếu tính mức độ chênh lệch giàu nghèo tính theo đầu ng- ời GDP thì giữa Băng Cốc và vùng Đông Bắc Thái Lan năm 1960 là hơn 5 lần, năm 1970 là 7 lần và đến cuối những năm 80 là 8 lần và giữa những năm 90 là 10 lần⁽³⁾. Rõ ràng địa ph- ớng hoá không chỉ thể hiện ở quyền tự trị và phân bổ nguồn lực, mà còn thể hiện khác nhau về thu nhập, lối sống...

Một trong những yếu tố gây nên sự cách biệt trên là sự khác nhau về vị trí địa lý, nguồn tài nguyên thiên nhiên, sự phân bổ không hợp lý về nguồn lao động, tiền vốn... Theo "luật thị tr- ờng" thì xu h- ớng đầu t- tập trung vào những vùng có điều kiện thuận lợi về kinh tế. Điều này sẽ tạo ra nhiều cấp độ thị tr- ờng trong một n- ớc, làm tăng tính địa ph- ớng trong hoạch định chính sách và phát triển. Nếu nh- chính quyền trung - ớng không xử lý tốt mối quan hệ giữa bất bình đẳng tự nhiên và "luật thị tr- ờng" thì khoảng cách phát triển có thể ngày càng rộng ra giữa các vùng miền trong cả n- ớc, tạo nên những lối sống khác biệt và có thể tạo ra xung đột xã hội. Trong điều kiện sự chênh lệch giàu nghèo trùng hợp với ranh giới tộc ng- ời, văn hoá và bị kích động bởi chính sách "chia để trị" của các thế lực phản

động trong và ngoài nước thì chủ nghĩa ly khai có cơ hội phát triển nhanh hơn. Trong những năm gần đây khu vực Đông Nam Á đang rơi vào tình trạng khó xử này.

Cũng giống như các vùng miền, khu vực khác nhau trên thế giới, xung đột dân chủ nghĩa ly khai ở Đông Nam Á đã từng diễn ra trong lịch sử. Ranh giới tộc ngữ- ời tự nhiên (gồm huyết thống, ngôn ngữ, lối sống văn hoá...) là một trong những nguồn mạch có thể gây chia rẽ quốc gia-dân tộc. Hiếm có một khu vực nào trên thế giới có tính đa dạng và phong phú về mặt dân tộc và văn hoá như ở Đông Nam Á. Chỉ tính riêng trong mỗi quốc gia - dân tộc ở khu vực này cũng có đến hàng chục, thậm chí hàng trăm tộc ngữ- ời khác nhau sinh sống. Ví dụ như ở Việt Nam có 54 dân tộc lớn nhỏ, ở Philippine có trên 100, ở Lào có trên 70, ở Myanmar có trên 50, ở Ấn Độ có từ 100 - 300 (có nhiều tài liệu liệt kê tới 400, với từ 200 đến 300 các ngôn ngữ, phương ngữ khác nhau). Thêm vào đó, sự khác nhau về tôn giáo, tín ngưỡng, lối sống văn hoá... giữa các nhóm tộc ngữ- ời, các quốc gia-dân tộc ở khu vực này cũng làm tăng thêm ranh giới tộc ngữ- ời. Các tôn giáo chính của thế giới như Phật giáo, Hindu giáo, Ixlam giáo, Khổng giáo, Thiên Chúa giáo đều có ảnh hưởng vững bền ở khu vực này và đã từ lâu trở thành một phần lối sống của các dân tộc khác nhau của Đông Nam Á. Hơn thế nữa, trong mỗi tộc ngữ- ời lại được chia ra nhiều nhóm khác nhau theo đặc trưng văn hoá. Ví dụ

như người dân miền Đông và miền Tây đảo Timo đều là cùng một nhóm tộc ngữ- ời, chung ngôn ngữ và văn hoá truyền thống nhưng sự khác nhau về tôn giáo (đa số dân Đông Timo theo Thiên chúa giáo, còn Tây Timo theo Ixlam giáo) đã góp phần quan trọng làm ly tâm tộc ngữ- ời, tạo ra những xung đột dân tộc mới. Tình hình tương tự diễn ra tại quần đảo Maluku của Ấn Độnesia, nơi có đông người theo Thiên Chúa giáo sinh sống. Thậm chí, vẫn là một nhóm tộc ngữ- ời cùng nói một ngôn ngữ và đồng tôn giáo, nhưng các dòng tôn giáo khác nhau ở họ cũng tạo ra ngăn cách dân tộc. Tình trạng này diễn ra ở nhiều địa phương Đông Nam Á, nhất là ở các nước Đông Nam Á hải đảo⁽⁴⁾. Rõ ràng sự đan xen nhiều tầng, đa dạng về cấu trúc tộc ngữ- ời và văn hoá, đã tạo ra ranh giới dân tộc, những khác nhau về nhận thức và các giá trị liên quan đến ổn định và phát triển. Nếu có các tác nhân kích thích (như chính sách xây dựng quốc gia-dân tộc của chính phủ hay tác động từ bên ngoài...) thì biên giới tộc ngữ- ời dễ thay đổi, hoặc là hội nhập vào xã hội rộng lớn hơn, hoặc là ly khai trở thành một chủ thể độc lập mới.

Ranh giới tự nhiên về dân tộc, tôn giáo, trình độ phát triển kinh tế... từ lâu tồn tại trong lòng xã hội các nước Đông Nam Á. Song ở mỗi giai đoạn, thời đại lịch sử lại có đặc điểm riêng. Đặc biệt thời nô dịch và thuộc địa của phương Tây, mặc dù bị tác động bởi chính sách "chia để trị" của thực dân, đế quốc, nhưng do nhu cầu đánh đuổi

ngoại xâm, giành độc lập dân tộc, các dân tộc lớn nhỏ trong cùng một nước đã đoàn kết lại vì sự nghiệp chung. D- ời thời chiến tranh lạnh, đấu tranh ý thức hệ t- t- ờng đã chi phối các quá trình chính trị các nước Đông Nam Á làm cho ranh giới tộc ng- ời phần nào bị che phủ, mâu thuẫn dân tộc và xu h- ớng ly khai có phần dịu đi. Thêm vào đó, sự tăng tr- ờng kinh tế cao và liên tục của nhiều nước Đông Nam Á trong những năm 70-90 cùng với chính sách đề cao sự ổn định trong phát triển đã phần nào làm giảm đi mâu thuẫn xã hội, trong đó có mâu thuẫn dân tộc⁽⁵⁾. Tuy vậy phong trào đòi ly khai và hiểm khích về tôn giáo và dân tộc trong lòng các nước Đông Nam Á vẫn tiếp tục âm ỉ cháy và trong thời gian gần đây bùng nổ trở lại, tạo ra sự bất ổn chính trị và an ninh quốc gia ở nhiều nước trong khu vực. Indônêxia là một ví dụ điển hình.

Cũng giống nh- nhiều quốc gia khác trong khu vực, sự gia tăng áp lực của toàn cầu hoá, nước hết là sự sa sút kinh tế do khủng hoảng tài chính- tiền tệ 1997-1998 đã làm cho chính phủ Indônêxia buộc phải đổi mới cơ cấu kinh tế, cải cách hệ thống chính trị cũng nh- luật pháp cai trị của mình, trong đó có nới rộng quyền tự quản cho các địa ph- ơng. Lợi dụng cơ hội này, nhiều địa ph- ơng, dân tộc đứng lên đòi độc lập, tách khỏi nhà nước trung - ơng, lập nên các chủ thể chính trị mới, mà điển hình là sự kiện Đông Timo tách khỏi Indônêxia.

Đông Timo tr- ớc đây là thuộc địa của Bồ Đào Nha. Vào giữa những năm 70 của thế kỷ XX tình hình ở phần đất thuộc địa này trở nên hỗn loạn bởi sự giao tranh, nội chiến giữa những ng- ời muốn hội nhập với Indônêxia và phe chủ tr- ơng đòi độc lập. Tr- ớc tình trạng trên buộc Bồ Đào Nha phải rút khỏi vùng đất này. Phái chủ tr- ơng hội nhập đ- ợc chính phủ Indônêxia hậu thuẫn, năm 1976 đã cử một phái đoàn đến Jakarta để đàm phán và sau đó Đông Timo trở thành lãnh thổ tự trị thứ 27 của Indônêxia. Tuy nhiên, Liên Hợp Quốc không chấp thuận sự sáp nhập của Đông Timo vào Indônêxia và từ đó diễn ra cuộc đấu tranh trên diễn đàn ngoại giao quốc tế và trong nội bộ Đông Timo cho đến khi vùng đất này trở thành độc lập. Để gia tăng ảnh h- ớng của mình, chính phủ Indônêxia d- ời thời cầm quyền của tổng thống Suharto (1966-1998) đã đ- a hàng triệu dân từ đảo Java theo Ixlam giáo đến các vùng tự trị xa xôi hẻo lánh, trong đó có đến Đông Timo. Điều này cũng tạo ra những xung đột mới trong tranh chấp đất đai, dân tộc và văn hoá. Thêm vào đó, chính sách giao nhiều quyền tự quản hơn cho các địa ph- ơng do các tổng thống kế tiếp thực hiện sau khi Suharto từ chức đã tạo ra làn sóng mới đòi ly khai ở nước này, trong đó có Đông Timo. Sự kiện lịch sử đã xảy ra vào ngày 30 tháng 8 năm 1999 bằng việc Đông Timo thực hiện cuộc tr- ợng cầu dân ý d- ời sự giám sát của Liên Hợp Quốc với kết quả là 78,5% dân c- lựa chọn con đ- ờng độc lập, tách khỏi Indônêxia⁽⁶⁾. Và cuối cùng vào ngày 20 tháng 5 năm

2002 Đông Timo chính thức tuyên bố độc lập, trở thành thành viên thứ 192 của Liên Hợp Quốc và quốc gia thứ 11 của Đông Nam Á.

Sự kiện Đông Timo giành đ- ộc độc lập đã tạo ra làn sóng mới đòi ly khai ở Indônêxia nói riêng, Đông Nam Á nói chung. Tộc ng- ời Achehh sinh sống ở cực bắc đảo Sumatra, ng- ời Papua ở phía Tây Irian Java, ng- ời Ambon theo đạo Thiên Chúa ở phía Nam đảo Maluku... thì nhau đòi tr- ng cầu dân ý cho nên độc lập của mình ⁽⁷⁾. Theo một thống kê đ- ộc thiết lập năm 2000, trong số 26 tỉnh, khu tự trị của Indônêxia, có hơn một nửa có xu h- ớng ly khai hoặc là bất mãn với chính quyền địa ph- ơng⁽⁸⁾.

Đối với một số n- ớc Đông Nam Á, tuy không đến mức phức tạp nh- ở Indônêxia, nh- ng tình hình cũng không mấy sáng sủa. Ví dụ nh- ở Philippin, cộng đồng ng- ời Moro theo Ixlamis ở vùng Mindanao từ thời kỳ cai trị của thực dân ph- ơng Tây cho tới nay luôn nổi dậy đòi độc lập, thành lập nhà n- ớc Hồi giáo riêng. Kể từ "Phong trào Độc lập Hồi giáo (MIM)" đ- ộc thành lập (năm 1968), sau đó "Mặt trận Giải phóng Dân tộc Moro (MNLF)" ra đời (năm 1972, phong trào ly khai của cộng đồng này trở nên mạnh mẽ hơn. Thập kỷ gần đây, mặc dù chính phủ Philippin đã ký với MNLF Hiệp - ớc ngừng bắn (tháng 1 năm 1994), nh- ng ng- ời Moro vẫn tiếp tục đấu tranh đòi độc lập hoàn toàn. Một vài năm trở lại đây, d- ối tác động của sự kiện Đông

Timo và ảnh h- ớng của cuộc chiến chống khủng bố do Mỹ phát động, ng- ời Moro trở nên quyết liệt hơn trong cuộc đấu tranh đòi ly khai với chính phủ Philippin⁽⁹⁾.

Tuy ranh giới tộc ng- ời (sự khác nhau về tôn giáo-dân tộc) cũng góp phần nuôi d- ỡng chủ nghĩa ly khai, nh- ng chính sách cai trị thiếu thận trọng của nhà cầm quyền, của chính quyền trung - ơng cũng là một trong những nguyên nhân chính đ- a đến phá vỡ sự đoàn kết quốc gia-dân tộc. Chính sách di c- và phân phối thu nhập bất hợp lý nh- đã đề cập ở trên đã làm cho nhiều nhóm dân tộc ít ng- ời ngày một mất đi địa vị và quyền lợi chính đáng của họ. Ví dụ nh- tỉnh Acheh là một nơi giàu có về dầu lửa và khí đốt, nh- ng đời sống dân c- ở đây ít đ- ợc cải thiện bởi khoảng 90% tổng thu nhập từ các nguồn tài nguyên thiên nhiên của tỉnh phải nộp cho chính quyền Trung - ơng. ở vùng phía Tây Irian Java lại là một điển hình khác. Chính quyền Jakarta đã đ- a ng- ời Jaya đến định c- ở nơi đây và biến ng- ời Papua bản địa trở thành nhóm tộc ng- ời thiểu số, có địa vị thấp trong đời sống kinh tế và chính trị so với ng- ời không phải là bản địa. Hay ở Philippin, chính quyền trung - ơng cho phép ng- ời Filipino theo Thiên Chúa giáo có thể đ- ợc cấp 24 héc-ta đất, trong khi đó ng- ời theo Ixlam giáo chỉ đ- ợc cấp d- ới 10 hec-ta⁽¹⁰⁾. Tình trạng này làm gia tăng sự bất mãn trong các nhóm dân tộc thiểu số, thúc đẩy phong trào ly khai phát triển.

Cần nhấn mạnh rằng, chủ nghĩa ly khai trên thế giới nói chung, ở Đông Nam Á nói riêng phát triển khá mạnh mẽ trong những năm gần đây là do có sự can dự của bên ngoài, đặc biệt là từ phía các thể chế kinh tế và chính trị của chủ nghĩa tư bản. Một số nước tư bản và các tổ chức chuyên ngành chức năng như Ngân hàng Thế giới, Quỹ tiền tệ quốc tế và nhiều tổ chức phi chính phủ khác đã đề cao toàn cầu hoá, ủng hộ xu hướng địa phương hoá, coi nhân quyền cao hơn chủ quyền có thể góp phần làm suy yếu hệ thống quyền lực hay chủ quyền tuyệt đối của nhà nước, quốc gia-dân tộc. Thậm chí một số còn ủng hộ (kể cả công khai hay ngầm ngấm) xu hướng ly khai. Không phải chính sách "chia để trị" của các cực quyền bây giờ mới lộ diện mà đã có từ lâu. Dời thời chiến tranh lạnh, do nhu cầu tối thượng là tập hợp mọi nguồn lực để chống lại chủ nghĩa cộng sản, nên các nước phương Tây, bao gồm cả Mỹ ít quan tâm hơn về phong trào đòi ly khai ở nhiều nước Đông Nam Á trong đó có Indônêxia. Sau chiến tranh lạnh "vấn đề nhân quyền" trở thành vũ khí lợi hại của phương Tây trong chính sách đối ngoại của họ. Điều này góp phần khuyến khích chủ nghĩa ly khai có thêm cơ hội phát triển.

Nói tóm lại, việc gia tăng quyền hạn và tập trung các nguồn lực vào những khu vực trung tâm, có điều kiện thuận lợi cho phát triển kinh tế đã thúc đẩy phát triển các vùng đó; và kết quả của nó là tạo ra sự chênh lệch giữa các vùng trung tâm với

các địa phương xa xôi, giữa thành thị và nông thôn. Đây là quá trình địa phương hoá, diễn ra khá mạnh mẽ dưới tác động của công cuộc công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước và diễn ra nhanh hơn bởi ảnh hưởng của toàn cầu hoá. Xu hướng này có thể làm xói mòn bản sắc, chức năng truyền thống của quốc gia-dân tộc bởi sự "nhượng" một phần quyền lực căn bản của mình cho nhà nước địa phương.

Nếu sự chênh lệch giàu nghèo giữa các khu vực, vùng miền trong một quốc gia trùng hợp với ranh giới tộc người và văn hoá thì tính địa phương chủ nghĩa ngày càng một tăng lên. Trong điều kiện chính sách xây dựng quốc gia-dân tộc thiếu đồng bộ, thiên về chủ nghĩa dân tộc hẹp hòi hay bảo vệ một nhóm người cùng với sự kích động tâm lý dân tộc của các thế lực phản động trong và ngoài nước thì xung đột tộc người và chủ nghĩa ly khai có cơ hội bùng nổ. Điều này diễn ra biểu hiện khá rõ nét ở khu vực Đông Nam Á nói chung, ở Indônêxia nói riêng trong thời gian gần đây. Những biến động mới trên, một mặt làm tổn thương đến chủ quyền an ninh quốc gia truyền thống, đến tình đoàn kết quốc gia-dân tộc, gây bất ổn chính trị-xã hội trong nước và quốc tế, mặt khác trong chừng mực nào đó cũng có tác động nhất định đến việc hoàn thiện chính sách nhằm thúc đẩy hơn nữa tiến trình hoà hợp dân tộc và dân chủ hoá xã hội.

Chú thích

1. Xem thêm: Yuyi Suzuki. *Localization and Post-Authoritarian Regimes/*

- Trends and Issues in East Asia 2000 . Tokyo, 2000, pp. 56-57.
2. Shahid Yusuf. *Where the World is heading toward: Globalization, Localization and the Pattern of Development/* Asia Development Forum / East Asia: From Crisis to opportunity . Singapore, 5-8 June, 2000, p.10.
 3. Trần Khánh. *Phát triển thiếu bền vững: Tr- ờng hợp của Thái Lan //* Nghiên cứu Đông Nam Á . H, 2001, Số 4 (49).
 4. Leo Suryadinata. *Nation-Building and Nation-Destroying: The Challenge of Globalization in Indonesia /* Nationalism and Globalization: East and West. Singapore: ISEAS, 2000, pp. 41, 53-59.
 5. Xem thêm: Trần Khánh. *Suy nghĩ về ổn định và phát triển ở các n- ớc Đông Nam Á //* Vòng quanh Đông Nam Á . H, 2000, Số 11, tr. 12-13.
 6. Luknam Thaib. *Ethnic Nationalism and the Nation - State: Aceh's Journey to Self - Determination //* SEAS Bulletin. No. 2, 2000, pp. 15-16; xem thêm: Leo Suryadinata. Tài liệu đã dẫn, tr.57; Clive J. Christie. Lịch sử Đông Nam Á hiện đại. H, Nxb. Chính trị quốc gia, 2000 (xem phần II, chương 6 "Đạo Hồi, dân tộc và chủ nghĩa ly khai ở Đông Nam Á"- từ trang 231-247; Chương 7 "Chủ nghĩa dân tộc và ngôi nhà của đạo Hồi" -từ trang 248-283.
 7. Tộc ng- ời Aceh từ thời trung cổ đã có nhà n- ớc riêng, và là một trong những nơi có truyền thống chống ngoại xâm. Tr- ớc đây ng- ời Hà Lan xâm l- ọc Indônêxia đã phải mất 30 năm mới chiếm đ- ợc vùng Aceh (1870-1900). Cố tổng thống Sukarno sau khi giành đ- ợc độc lập (sau 1945) đã đồng ý cho tỉnh Aceh này quy chế tự trị. Nh- ng từ 1950, khi Aceh bị sáp nhập vào tỉnh Bắc Sumatra thì các phần tử ly khai ở đây nổi dậy. Đến 1953 chính phủ Jakarta nh- ượng bộ cấp cho h- ồng quy chế hành chính đặc biệt, và đ- ợc áp dụng luật đạo Hồi tại đây. Thế nh- ng quy chế trên không đ- ợc quốc hội n- ớc này phê chuẩn và từ đó trở đi ng- ời Aceh liên tiếp nổi dậy chống lại chính quyền trung - ơng và luôn bị trấn áp. "Phong trào Aceh tự do (GAM)" đ- ợc thành lập năm 1976 là phản ứng của quá trình trên. Còn ở tỉnh Irian Java mãi cho đến tận năm 1962 vẫn nằm d- ưới sự cai trị của Hà Lan, và sau đó Liên Hợp Quốc đứng ra tiếp quản vùng đất này, và đến 1963 đ- ợc giao cho Indônêxia cai quản tạm thời với điều kiện trong vòng 5 năm phải tổ chức tr- ng câu dân ý. Nh- ng sự kiện này không diễn ra, và đến 1971 "Phong trào Papua Tự do" đ- ợc thành lập. Từ đó luôn diễn ra chiến tranh du kích chống lại chính phủ Indônêxia.
 8. Nguyễn Duy Thiệu. *Xung đột tộc ng- ời trong bối cảnh hội nhập ở ASEAN //* Tạp chí Dân tộc học, Số 3, 2001, tr 26.
 9. Phạm Thị Vinh. *Ng- ời Moro trong lịch sử Philippin* trong *Tìm hiểu lịch sử-văn hoá Philippin*. Tập II. Nxb. KHXH, H, 2001 tr.133-185; Lim Chong Yah. *Đông Nam Á: Chặng đ- ờng phía tr- ớc*. Nxb Thế giới, H, 2002, tr. 42-44.
 10. *Government and Politics in Southeast Asia* (ed.by John Funston). Singapore: ISEAS, 2001, p.87; Lim Chong Yah. Sđd, tr.42